

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ XÂY DỰNG - CÔNG TY TNHH MTV

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 07/11/2016

17
mười

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ XÂY DỰNG - CÔNG TY TNHH MTV

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 07/11/2016

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cầu đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 - 9
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 32

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - Công ty TNHH MTV trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 07/11/2016.

CÔNG TY

Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng được thành lập theo quyết định số 993/BXD-TCLĐ ngày 20/11/1995 của Bộ Xây dựng trên cơ sở tổ chức sắp xếp lại các Đơn vị của Liên hiệp các Xi nghiệp Cơ khí Xây dựng thuộc Bộ Xây dựng. Theo Quyết định số 94/19SD-HĐQT ngày 30/6/2010 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Sông Đà, Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng chuyển đổi mô hình hoạt động sang Công ty TNHH Một thành viên. Theo Quyết định số 915/QĐ-BXD ngày 18/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng thi quyền và nghĩa vụ chủ sở hữu vốn nhà nước tại Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng được chuyển giao từ Tập đoàn sông Đà về Bộ Xây dựng.

Tổng Công ty thực hiện cổ phần hóa và chuyển đổi sang hoạt động Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2368/QĐ-TTg ngày 23/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa và chuyển thành Công ty Cổ phần Công ty mẹ - Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng và Quyết định số 863/QĐ-BXD ngày 01/9/2016 về việc Điều chỉnh quy mô và cơ cấu vốn điều lệ trong Phương án cổ phần hóa.

Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - Công ty TNHH Một thành viên hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100106553 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29/11/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 08/11/2016 về việc chuyển Công ty TNHH MTV thành Công ty cổ phần.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - Công ty TNHH MTV theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu là 107.000.000.000 đồng (Một trăm linh bảy tỷ đồng chẵn).

Vốn điều lệ của Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - CTCP theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 ngày 8/11/2016 là 238.500.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi tám tỷ năm trăm triệu đồng)

Tọa sở chính của Tổng Công ty tại số 125D Phố Minh Khai - Phường Minh Khai - Q. Hai Bà Trưng - TP. Hà Nội.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng thành viên (giai đoạn từ ngày 01/01/2016 - 07/11/2016) bao gồm

Ông Lê Văn Khương	Chủ tịch	Nghỉ hưu từ ngày 30/6/2016
Ông Dương Văn Hồng	Thành viên	
Ông Phạm Việt Hùng	Thành viên	
Ông Trịnh Nam Hải	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Thành viên	

Các thành viên của Hội đồng Quản trị (giai đoạn từ ngày 08/11/2016 - 31/12/2016) bao gồm

Ông Lê Minh Hải	Chủ tịch
Ông Dương Văn Hồng	Ủy viên
Ông Phạm Việt Hùng	Ủy viên
Ông Trịnh Nam Hải	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Ủy viên

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc bao gồm

Ông Dương Văn Hồng	Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Nam Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Việt Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Xuân Thắng	Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 07/11/2016 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 07/11/2016 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIỆT NAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Dương Văn Hồng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2017

Số: 604/2017/BCKT-BCTCIN/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 07/11/2016 của Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - Công ty TNHH MTV

**Kính gửi: Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - Công ty TNHH MTV**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - Công ty TNHH MTV, được lập ngày 24/7/2017, từ trang 05 đến trang 32 bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 07/11/2016, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 07/11/2016 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các mức tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi không tham gia quan sát công tác kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho tại thời điểm 07 tháng 11 năm 2016 do được bổ nhiệm làm kiểm toán viên sau ngày này, chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế khác nhưng các thủ tục này cũng không cung cấp đủ bằng chứng kiểm toán để cho phép chúng tôi đưa ra ý kiến về tính hiện hữu và đầy đủ của khoản mục hàng tồn kho trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 07 tháng 11 năm 2016 của Tổng Công ty.

Tổng Công ty chưa thực hiện đối chiếu đầy đủ một số khoản công nợ phải thu, phải trả, tạm ứng tại thời điểm khoá sổ kế toán 07/11/2016. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán để xem xét các số dư này, tuy nhiên các thủ tục do chúng tôi thực hiện chưa giúp chúng tôi có được đầy đủ các bằng chứng cần thiết, do vậy chúng tôi không đưa ra ý kiến về số liệu của các số dư chưa có đối chiếu.

Chỉ tiêu thuế và các khoản phải nộp Nhà nước là số tạm tính, số phải nộp chính thức sẽ được xác định lại khi quyết toán thuế.

Tại thời điểm 30/9/2016, chúng tôi không kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/9/2016 của các Công ty con, trong Báo cáo tài chính hợp nhất với tổng tài sản là 669.595.263.833 đồng của Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - Công ty TNHH MTV. Chúng tôi cũng không thể thực hiện các thủ tục kiểm tra soát xét khác để thu thập các bằng chứng kiểm toán cần thiết. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về tổng tài sản, tổng công nợ, tổng doanh thu của các công ty con và ảnh hưởng của chúng tới các chỉ tiêu khác trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động này.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 07 tháng 11 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 07/11/2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán viên khác kiểm toán; kiểm toán viên này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán vào ngày 10 tháng 5 năm 2016 có ý kiến dạng chấp nhận từng phần.

Vấn đề nhận mạnh

Cho đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, công tác bàn giao phần vốn Nhà nước của Tổng Công ty tại thời điểm chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần (ngày 7/11/2016) chưa được hoàn thành. Theo đó, Số liệu Báo cáo tài chính các khoản mục có liên quan tại thời điểm này của Tổng Công ty có thể thay đổi theo số liệu quyết toán phần vốn Nhà nước của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Như đã trình bày Thuyết minh Báo cáo tài chính phần Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 07/11/2016 của Tổng Công ty hợp nhất trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 07/11/2016 của Công ty mẹ đã được kiểm toán và Báo cáo cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/9/2016 của các công ty con chưa được kiểm toán.

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG MINH KHAI
CHỨNG THỰC BÀN GIAO PHẦN CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 NGÀY 21/10/2017
 Số chứng thực: 12633... Quyển số: 01... SCT/BS



Nguyễn Thị Mai Hoa
PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Hải

Đinh Văn Thắng
 Phó Tổng Giám đốc
 Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1147-2015-137-1
 Giấy Ủy quyền số: 16/2015/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/10/2015 của Chủ tịch HĐQT
 Thay mặt và đại diện
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
 Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.
 Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2017

Nguyễn Thị Mai Hoa
 Kiểm toán viên
 Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2015-137-1

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ XÂY DỰNG - CÔNG TY TNHH MTV

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 07/11/2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 07 tháng 11 năm 2016

Mẫu B 01 - DN/VN

	MS	TM	07/11/2016 VND	01/01/2016 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.076.055.837.601	1.652.207.233.754
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	28.810.770.034	54.804.413.187
1. Tiền	111		27.971.642.351	49.342.413.187
2. Các khoản tương đương tiền	112		839.127.683	5.462.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	3.000.000.000	10.617.500.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		3.000.000.000	10.617.500.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		553.825.942.019	759.947.018.791
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	313.659.235.014	517.795.133.191
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		30.023.550.301	26.437.428.077
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		500.000.000	500.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	231.338.930.141	243.504.704.169
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(24.034.249.347)	(29.914.493.949)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		2.338.475.910	1.624.247.303
IV. Hàng tồn kho	140		477.451.300.769	817.726.438.185
1. Hàng tồn kho	141	5.5	477.668.560.604	817.943.698.020
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(217.259.835)	(217.259.835)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		12.967.824.779	9.111.863.591
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.335.884.851	2.607.707.687
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.390.176.054	4.117.384.389
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		4.241.763.874	2.386.771.515
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		280.944.449.457	351.256.531.281
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		190.634.541	9.744.834.891
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	4.453.009.488
6. Phải thu dài hạn khác	216		190.634.541	5.291.825.403
II. Tài sản cố định	220		224.823.546.649	268.120.524.706
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	198.643.406.790	239.580.855.646
- Nguyên giá	222		359.716.774.477	423.663.340.486
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(161.073.367.687)	(184.082.484.840)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	26.180.139.859	28.539.669.060
- Nguyên giá	228		30.987.751.298	33.751.996.230
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.807.611.439)	(5.212.327.170)
III. Bất động sản đầu tư	230		1.593.677.055	-
1. Nguyên giá	231		1.743.917.180	-
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(150.240.125)	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		7.199.365.761	21.867.804.748
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	10.036.923.716
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.8	7.199.365.761	11.830.881.032
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.9	32.706.863.654	35.533.257.932
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		21.247.226.897	22.457.002.881
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		11.459.636.757	15.587.728.740
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(2.511.473.689)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		14.430.361.797	15.990.109.004
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	11.243.534.864	11.744.673.058
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	219.970.346
3. Lợi thế thương mại	269		3.186.826.933	4.025.465.600
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		1.357.000.287.058	2.003.463.765.035

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ XÂY DỰNG - CÔNG TY TNHH MTV

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 07/11/2016

Mẫu B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 07 tháng 11 năm 2016

	MS	TM	07/11/2016 VND	01/01/2016 VND
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		1.117.999.704.867	1.827.953.280.403
I. Nợ ngắn hạn	310		1.099.681.484.565	1.710.792.955.445
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	173.480.197.932	340.777.436.549
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		75.978.467.540	240.700.965.936
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	176.329.040.938	242.813.314.939
4. Phải trả người lao động	314		12.444.921.327	34.934.664.089
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.12	182.185.509.227	218.529.780.314
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		120.091.220.275	6.527.389.904
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	192.174.432.256	330.520.324.487
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14	162.805.874.639	291.823.528.898
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		3.758.708.675	4.491.100.689
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		433.111.756	(325.550.360)
II. Nợ dài hạn	330		18.318.220.302	117.160.324.958
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	4.453.009.488
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		2.626.218.080	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		45.577.700	3.554.564.403
7. Phải trả dài hạn khác	337		189.000.000	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.14	15.457.424.522	103.364.995.001
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	5.787.756.066
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		239.000.582.191	175.510.484.632
(400 = 410+430)				
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.15	235.923.974.869	172.629.254.718
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		238.500.000.000	101.341.001.820
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>238.500.000.000</i>	<i>101.341.001.820</i>
5. Chênh lệch đánh giá tài sản	416		-	107.952.535.078
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		7.037.048.805	8.754.450.899
8. Quỹ hỗ trợ, sắp xếp doanh nghiệp	419		9.944.733.314	25.423.915.337
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		149.953.433	149.953.433
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(52.227.005.837)	(108.274.656.951)
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>(79.756.717.042)</i>	<i>(142.381.908.611)</i>
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>27.529.711.205</i>	<i>34.107.251.660</i>
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		64.000.000	3.587.483.535
13 Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		32.455.245.154	33.694.571.568
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		3.076.607.322	2.881.229.914
1. Nguồn kinh phí	432		3.076.607.322	2.881.229.914
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.357.000.287.058	2.003.463.765.035
(440 = 300+400)				

Người lập

Nguyễn Thị Ngọc Diệp

Kế toán trưởng

La Thế Thủy

La Thế Thủy

Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2017



Tổng Giám đốc

Đương Văn Hồng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 07/11/2016

CHỈ TIÊU	MS	TM	Kỳ hoạt động	Năm 2015
			từ 01/01/2016 đến 7/11/2016	VND
			VND	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.17	256.943.710.299	1.100.794.476.100
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.18	2.350.290.909	2.689.250.441
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		254.593.419.390	1.098.105.225.659
4. Giá vốn hàng bán	11	5.19	186.207.958.405	971.879.893.697
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		68.385.460.985	126.225.331.962
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.20	23.736.531.486	21.196.598.184
7. Chi phí tài chính	22	5.21	8.937.627.499	24.787.876.580
Trong đó: Chi phí lãi vay	33		10.218.480.853	17.544.703.407
8. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	24		261.817.563	(79.397.374)
9. Chi phí bán hàng	25		2.704.656.484	8.991.570.138
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		48.607.880.878	90.690.203.013
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(25+26)+24)	30		32.133.645.173	22.872.883.041
12. Thu nhập khác	31	5.22	13.397.348.398	52.025.274.150
13. Chi phí khác	32	5.22	11.141.255.605	28.184.278.346
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.22	2.256.092.793	23.840.995.804
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		34.389.737.966	46.713.878.845
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.23	7.179.553.569	13.853.481.729
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		219.970.346	(678.048.400)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		26.990.214.051	33.538.445.516
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		27.529.711.205	34.107.251.660
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(539.497.154)	(568.806.144)

Người lập

[Handwritten signature]
 Nguyễn Thị Ngọc Dung

Kế toán trưởng

[Handwritten signature]

Lê Thế Thủy

Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2017

Tổng Giám đốc

 Dương Văn Hồng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 07/11/2016

CHỈ TIÊU	MS	TM	Kỳ hoạt động	Năm 2015
			từ 01/01/2016 đến 7/11/2016 VND	
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		34.389.737.966	46.713.878.845
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		14.708.847.082	23.740.851.570
- Các khoản dự phòng	03		(5.880.244.602)	5.042.995.270
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	(16.459.818.147)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(23.529.518.443)	17.544.703.407
- Chi phí lãi vay	06		10.218.480.853	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		29.907.302.856	76.582.610.945
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		218.476.791.629	206.857.015.149
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		340.275.137.416	(106.954.030.260)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(492.952.722.980)	(397.661.638.856)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		112.961.030	8.913.010.743
- Tiền lãi vay đã trả	14		(23.817.262.687)	(18.014.960.427)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(30.386.626.842)	(54.369.394.252)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		15.339.932.868	281.347.062.883
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	(55.477.408)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		57.615.513.291	(3.383.801.483)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.101.679.181)	(9.105.470.177)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		955.704.689	6.464.528.491
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(3.675.000.001)	(28.404.483.434)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		12.792.500.001	53.834.252.725
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	150.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		21.796.280.523	12.004.471.194
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		30.767.806.031	34.943.298.799
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	1.490.564.580
3. Tiền thu từ cho vay	33		184.321.226.979	535.765.105.758
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(298.698.189.454)	(581.437.947.598)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(1.600.760.403)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(114.376.962.475)	(45.783.037.663)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(25.993.643.153)	(14.223.540.347)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		54.804.413.187	68.283.125.190
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	744.828.344
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		28.810.770.034	54.804.413.187

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ XÂY DỰNG – CÔNG TY TNHH MTV
Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 07/11/2016

Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2017

Người lập


Nguyễn Thị Ngọc Diệp

Kế toán trưởng



Lê Thế Thủy

Tổng Giám đốc



Đương Văn Hồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. THÔNG TIN KHAI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng được thành lập theo quyết định số 993/BXD-TCLĐ ngày 20/11/1995 của Bộ Xây dựng trên cơ sở tổ chức sắp xếp lại các Đơn vị của Liên hiệp các XI nghiệp Cơ khí Xây dựng thuộc Bộ Xây dựng. Theo Quyết định số 94/TĐSD-HĐQT ngày 30/6/2010 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Sông Đà, Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng chuyển đổi mô hình hoạt động sang Công ty TNHH Một thành viên. Theo Quyết định số 915/QĐ-BXD ngày 18/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng thi quyền và nghĩa vụ chủ sở hữu vốn nhà nước tại Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng được chuyển giao từ Tập đoàn sông Đà về Bộ Xây dựng.

Tổng Công ty thực hiện cổ phần hóa và chuyển đổi sang hoạt động Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2368/QĐ-TTg ngày 23/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa và chuyển thành Công ty Cổ phần Công ty mẹ - Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng và Quyết định số 863/QĐ-BXD ngày 01/9/2016 về việc Điều chỉnh quy mô và cơ cấu vốn điều lệ trong Phương án cổ phần hóa.

Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - Công ty TNHH Một thành viên hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100106553 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29/11/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 08/11/2016 về việc chuyển Công ty TNHH MTV thành Công ty cổ phần.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - Công ty TNHH MTV theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu là 107.000.000.000 đồng (Một trăm linh bảy tỷ đồng chẵn).

Vốn điều lệ của Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - CTCP theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 ngày 8/11/2016 là 238.500.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi tám tỷ năm trăm triệu đồng)

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại số 125D Phố Minh Khai - Phường Minh Khai - Q. Hai Bà Trưng - TP. Hà Nội.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại, luyện bột kim loại;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Kinh doanh bất động sản;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài; Đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao tay nghề cho cán bộ, công nhân kỹ thuật các chuyên ngành cơ khí, xây dựng;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ du lịch (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Dịch vụ cho thuê nhà, văn phòng làm việc;
- Thẩm tra thiết kế, tư vấn đầu thầu và thiết kế, thi công xây lắp, cung cấp vật tư, thiết bị, quản lý dự án;
- Giám sát thi công xây dựng công trình đường bộ, lĩnh vực chuyên môn giám sát xây dựng và hoàn thiện;
- Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng, lĩnh vực chuyên môn giám sát: xây dựng và hoàn thiện;
- Thiết kế hệ thống điện cho các công trình: dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật;
- Thiết kế quy hoạch xây dựng, thiết kế kiến trúc công trình;
- Tư vấn đầu tư và xây dựng các dự án phát triển cơ khí, vật liệu xây dựng, điện, hạ tầng viễn thông, dầu khí, các dự án công nghiệp, dân dụng, hạ tầng đô thị, khu công nghiệp, khu du lịch, bao gồm: lập và thẩm tra dự án đầu tư;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng, lĩnh vực chuyên môn giám sát: xây dựng và hoàn thiện;
 - Giám sát lắp đặt hệ thống điện các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật;
 - Thiết kế hệ thống điện cho các công trình: dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật;
 - Thiết kế quy hoạch xây dựng, thiết kế kiến trúc công trình;
 - Tư vấn đầu tư và xây dựng các dự án phát triển cơ khí, vật liệu xây dựng, điện, hạ tầng viễn thông, dầu khí, các dự án công nghiệp, dân dụng, hạ tầng đô thị, khu công nghiệp, khu du lịch, bao gồm: lập và thẩm tra dự án đầu tư;
 - Thi công xây lắp công trình công nghiệp dân dụng giao thông (đường bộ, đường sắt, bến cảng), thủy lợi (công trình trạm bơm, kênh mương, đập kè, hồ đập), cấp thoát nước, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp; thi công các hệ thống điện công nghiệp, điện điều khiển và điện dân dụng, công trình đường dây và trạm biến thế điện;
 - Thi công lắp đặt các dây chuyền thiết bị đồng bộ;
 - Dịch vụ vận tải, xếp dỡ;
 - Sản xuất vật liệu cho ngành điện, vật liệu xây dựng;
 - Sản xuất dây truyền thiết bị đồng bộ, vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng, công cụ, phụ kiện, các sản phẩm phục vụ ngành xây dựng, điện, giao thông vận tải, thủy lợi, khai thác mỏ và các ngành kinh tế kỹ thuật khác;
 - Sản xuất, phân phối điện;
 - Kinh doanh dây chuyền thiết bị đồng bộ, vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng, công cụ, phụ kiện, các sản phẩm phục vụ ngành xây dựng, điện, giao thông vận tải, thủy lợi, khai thác mỏ và các ngành kinh tế kỹ thuật khác;
 - Giáo dục mầm non;
 - Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất; dịch vụ quản lý, vận hành nhà chung cư;
 - Vệ sinh chung nhà cửa;
 - Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp;
 - Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp.
- Hoạt động chính của Công ty trong năm: Gia công cơ khí lắp đặt công trình

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 07/11/2016, Tổng Công ty có công ty con và đơn vị trực thuộc như sau:

Các Đơn vị hạch toán phụ thuộc (Đơn vị cấp dưới)

COMA 1 - Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng

COMA 15 - Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng

Trung tâm Xuất nhập khẩu - Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng

Nhà máy cơ khí Quang Minh - Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

Các Công ty con

- Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng số 2 Hà Bắc (COMA 2)
- Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Thái Bình (COMA 16)
- Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Sông Chu (COMA 17)
- Công ty Cổ phần Khóa Minh Khai
- Công ty Cổ phần Cơ khí xây dựng và Lắp máy điện nước (COMAEL)
- Công ty TNHH MTV Xây lắp và Kinh doanh vật tư và thiết bị số 27 (Coma 27)
- Công ty TNHH MTV Sản xuất - Xuất nhập khẩu và dịch vụ phát triển nông thôn

Các Công ty liên doanh

- Công ty Liên doanh Đồng hồ nước Zenner-Coma

Các Công ty liên kết

- Công ty Cổ phần Cơ khí và Đầu tư xây dựng số 9
- Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại COMA 25

1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 07/11/2016.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 07/11/2016.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 07/11/2016 được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến ngày 07/11/2016 của Công ty mẹ là Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - Công ty TNHH MTV ký từ 01/01/2016 đến ngày 07/11/2016, các công ty con Báo cáo tài chính kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/9/2016 là Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng số 2 Hà Bắc (COMA 2), Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Thái Bình (COMA 16), Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Sông Chu (COMA 17), Công ty Cổ phần Khóa Minh Khai, Công ty Cổ phần Cơ khí xây dựng và Lắp máy điện nước (COMAEL), Công ty TNHH MTV Xây lắp và Kinh doanh vật tư và thiết bị số 27 (Coma 27), Công ty TNHH MTV Sản xuất - Xuất nhập khẩu và dịch vụ phát triển nông thôn.

Kể từ ngày 08/11/2016, Tổng Công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần. Tổng Công ty đã gửi Văn bản số 07/TC1-TCKT ngày 17/11/2016 đến các Công ty con về việc lập Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến 07/11/2016. Tuy nhiên, các Công ty con không lập báo cáo đến thời điểm đó mà chỉ lập Báo cáo tài chính 9 tháng năm 2016. Do đó, chúng tôi lấy theo Báo cáo tài chính 9 tháng 2016 của các Công ty con để lập Báo cáo tài chính hợp nhất này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất

- (i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP ngoại Tổng công ty và các công ty con mở tài khoản tại ngày 07/11/2016.
- (ii) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP ngoại Tổng công ty và các công ty con mở tài khoản tại ngày 07/11/2016.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.
- Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như tiền thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.
- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4. CÁC CHỈ TIÊU SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tố phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất

chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình (Tiếp theo)

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc, thiết bị	10
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	06 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 08

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê (đối với chi phí thuê nhà, thuê đất, thuê hoạt động,...), theo thời gian sử dụng hữu ích nhưng không quá 3 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định tương đương lãi.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay, chi phí bản quyền trả: trích trước theo thời gian thực hiện hợp đồng.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ); và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác (như: khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều năm.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch và cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận như sau:

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- **Chiết khấu thương mại:** là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- **Giảm giá hàng bán:** là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- **Hàng bán bị trả lại:** do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- **Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài:** Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- **Lỗ đầu tư chứng khoán:** Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

- **Chi phí đi vay:** Ghi nhận bằng tương căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

- **Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán:** theo thực tế phát sinh.

- **Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái:** Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giá định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giá định đặt ra.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	07/11/2016 VND	01/01/2016 VND
Tiền mặt	12.459.280.612	13.390.873.517
Tiền gửi ngân hàng	15.512.361.739	35.951.539.670
Các khoản tương đương tiền	839.127.683	5.462.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	839.127.683	5.462.000.000
Tổng	28.810.770.034	54.804.413.187

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ XÂY DỰNG – CÔNG TY TNHH MTV
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến 07/11/2016
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃI B 09 - DN

5.2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	07/11/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	3.000.000.000	3.000.000.000	10.617.500.000	10.617.500.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	3.000.000.000	3.000.000.000	10.617.500.000	10.617.500.000
Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	3.000.000.000	3.000.000.000	10.617.500.000	10.617.500.000

5.3 Phải thu của khách hàng

	07/11/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	313.659.235.014	517.795.133.191
Cty Sinoma - cung cấp thiết bị DA XM Đồng Bành	34.472.561.394	34.472.561.394
Cty CP VRG Daknong - CT Thủy điện Daksin I	31.125.377.070	31.125.377.070
Trường ĐH Sư phạm Hà N (HĐ số 334B - Phần thân và hoàn thiện)	24.802.382.000	24.802.382.000
Công ty CP phát triển thương mại Việt Nam (chuyển nhượng dự án 2.5HH Lê văn Thiêm)	14.526.903.386	14.526.903.386
Phải thu các đối tượng khác	208.732.011.164	412.867.909.341
Tổng	313.659.235.014	517.795.133.191

5.4 Phải thu khác

	07/11/2016 (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Phải thu ngắn hạn khác	231.338.930.141	-	343.504.704.169	-
Tạm ứng	36.679.237.413	-	54.619.493.136	-
Ký cược, ký quỹ	3.935.749.082	-	10.410.186.963	-
Phải thu khác	190.723.943.646	-	178.475.024.070	-
Tổng	231.338.930.141	-	243.504.704.169	-

5.5 Hàng tồn kho

	07/11/2016 (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	18.335.273.493	(117.601.693)	31.327.149.778	(117.601.693)
Công cụ, dụng cụ	529.755.404	-	684.806.382	-
Chi phí Sản xuất kinh doanh dở dang	634.387.741.745	-	759.054.575.803	-
Thành phẩm	10.140.577.125	-	23.588.996.236	-
Hàng hóa	13.272.931.616	-	-	-
Hàng gửi bán	1.002.281.221	(99.658.142)	3.288.169.821	(99.658.142)
Tổng	477.668.500.604	(217.259.835)	817.943.698.020	(217.259.835)

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ XÂY DỰNG - CÔNG TY TNHH MTV

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến 07/11/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.6 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2016	266.998.872.894	108.941.926.865	37.472.166.014	10.250.374.713	423.663.340.486
Tăng trong kỳ	-	1.398.800.569	-	-	1.398.800.569
Mua trong kỳ	-	1.101.679.181	-	-	1.101.679.181
Phân loại lại	-	297.121.388	-	-	297.121.388
Giảm trong kỳ	26.829.764.195	29.635.461.613	8.326.968.518	553.172.282	65.345.366.578
Thanh lý, nhượng bán	-	29.635.461.613	8.526.968.518	553.172.282	65.345.366.578
Thanh lý công ty con	26.829.764.195	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư tại 07/11/2016	240.169.108.699	80.705.265.821	29.145.197.496	9.697.202.461	359.716.774.477
GIÁ TRỊ HẠO MÓN LỖY KẾ					
Số dư tại 01/01/2016	75.544.866.125	77.020.042.187	24.195.175.382	7.322.401.146	184.082.484.840
Tăng trong kỳ	7.319.018.608	5.068.271.366	1.787.505.434	161.677.606	14.336.473.015
Kiểm hao trong kỳ	7.319.018.608	5.020.121.039	1.787.505.434	161.677.606	14.288.322.688
Phân loại lại	-	48.150.327	-	-	48.150.327
Giảm trong kỳ	10.988.941.753	18.718.250.030	7.193.667.410	444.730.975	37.345.590.168
Thanh lý, nhượng bán	10.988.941.753	18.718.250.030	7.193.667.410	444.730.975	37.345.590.168
Thanh lý công ty con	-	-	134.166.625	-	134.166.625
Giảm khác	-	-	7.059.500.755	446.730.975	37.211.423.513
Số dư tại 07/11/2016	71.874.942.980	63.370.663.523	18.789.013.406	7.039.347.778	161.073.367.687
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2016	191.454.006.769	31.921.884.678	13.276.990.632	2.927.973.567	239.580.385.646
Tại 07/11/2016	168.294.165.719	17.335.202.298	10.356.184.090	2.657.854.683	198.643.406.790

Handwritten signature or mark

5.7 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Giá trị thương hiệu	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2016	29.771.140.978	266.610.320	3.714.244.932	33.751.996.230
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	2.764.244.932	2.764.244.932
Phân loại lại	-	-	2.089.244.932	2.089.244.932
Thanh lý công ty con	-	-	675.000.000	675.000.000
Số dư tại 07/11/2016	29.771.140.978	266.610.320	950.000.000	30.987.751.298
GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2016	3.374.050.183	266.610.320	1.571.666.667	5.212.327.170
Tăng trong kỳ	216.950.936	-	53.333.333	270.284.269
Khấu hao trong kỳ	216.950.936	-	53.333.333	270.284.269
Giảm trong kỳ	-	-	675.000.000	675.000.000
Thanh lý công ty con	-	-	675.000.000	675.000.000
Số dư tại 07/11/2016	3.591.001.119	266.610.320	950.000.000	4.807.611.439
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2016	26.397.090.795	-	2.142.578.265	28.539.669.060
Tại 07/11/2016	26.180.139.859	-	-	26.180.139.859

5.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	07/11/2016 VND	01/01/2016 VND
Công trình nhà xưởng Đình Hương	5.528.597.770	1.157.886.005
Xưởng duy tu máy móc thiết bị - CN Thanh Oai	-	10.198.781.675
Các công trình khác	1.064.954.186	381.267.854
Sửa chữa tài sản cố định	442.415.819	89.945.496
ĐA lô đất 11E6 Phạm Hùng	163.397.986	-
Chi phí khác	-	-
Tổng	7.199.365.761	11.830.881.032

5.10 Chi phí trả trước dài hạn

	07/11/2016 VND	01/01/2016 VND
Ngắn hạn	2.335.884.851	2.607.707.687
Chi phí công cụ dụng cụ phân bổ	2.320.057.351	2.607.707.687
Chi phí khác phân bổ	15.827.500	-
Dài hạn	11.243.534.864	11.744.673.058
Chi phí công cụ dụng cụ phân bổ	5.704.405.175	7.934.810.593
Chi phí thương hiệu	2.089.241.932	-
Chi phí Sửa chữa, lắp đặt	1.206.440.112	-
Chi phí khác phân bổ	2.243.444.645	3.809.862.465
Tổng	13.579.419.715	14.352.380.745

5.11 Phải trả người bán ngắn hạn

	07/11/2016 (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	173.480.197.932	173.480.197.932	340.777.436.549	340.777.436.549
Tổng Công ty 36	-	-	64.868.164.954	64.868.164.954
Phải trả người bán ngắn hạn khác	173.480.197.932	173.480.197.932	275.909.271.595	275.909.271.595
b. Dài hạn	-	-	4.453.009.488	4.453.009.488
Các đối tượng khác	-	-	4.453.009.488	4.453.009.488
Tổng	173.480.197.932	173.480.197.932	345.230.446.037	345.230.446.037

5.12 Thuế và các khoản thu, phải nộp nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2016	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	07/11/2016
Phải nộp	242.813.314.929	28.436.160.399	94.920.434.400	176.329.040.938
Thuế giá trị gia tăng	64.722.474.661	8.407.806.693	25.210.418.917	47.919.862.437
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	43.361.752.108	7.179.553.569	30.386.626.842	20.154.678.835
Thuế thu nhập cá nhân	1.797.989.162	399.636.241	1.454.565.258	743.080.345
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	26.176.851.050	2.825.408.119	7.578.905.350	21.423.353.819
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	16.138.959.593	(48.680.773)	447.644.300	15.642.634.520
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	90.615.288.165	9.672.416.550	29.842.273.733	70.445.430.982
Phải thu	2.386.771.515	500.198.843	2.385.191.202	4.241.763.874
Thuế XNK	10.613.473	500.198.843	500.198.843	10.613.473
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.370.275.373	-	1.850.917.415	4.221.192.788
Thuế thu nhập cá nhân	5.882.669	-	4.074.944	9.957.613

5.13 Chi phí phải trả ngắn hạn

	07/11/2016 VND	01/01/2016 VND
Ngắn hạn	182.185.509.227	218.529.780.314
Chi phí trích trước công trình	49.171.549.467	71.182.743.442
Chi phí lãi vay	24.682.400	13.623.464.234
Chi phí phải trả khác	1.571.760.135	2.306.055.413
Trích trước tiền thuê đất	131.417.517.225	131.417.517.225
Dài hạn	-	-
Tổng	182.185.509.227	218.529.780.314

5.14 Phải trả ngắn hạn khác

	07/11/2016 VND	01/01/2016 VND
Ngắn hạn	192.174.432.256	330.520.324.487
Kinh phí công đoàn	3.131.349.980	3.563.430.518
Bảo hiểm xã hội	14.228.379.217	14.857.225.919
Phải trả cổ phần hóa	3.593.371.128	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.200.000.000	2.300.000.000
Phải trả, phải nộp khác	166.748.817.597	307.537.548.230
Tổng	192.174.432.256	330.520.324.487

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.15 Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	07/11/2016		Trong kỳ		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay						
Vay ngắn hạn	162.805.874.639	162.805.874.639	177.432.713.935	306.450.368.194	291.823.528.898	291.823.528.898
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	25.288.222.763	25.288.222.763	28.590.262.924	36.326.856.514	23.524.816.353	23.524.816.353
Ngân hàng Đầu tư Thuế kế Xây dựng Việt nam	-	-	-	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000
Ngân hàng TMCP Đại Chúng	28.581.784.195	28.581.784.195	41.778.205.097	101.048.262.263	101.048.262.263	101.048.262.263
Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam	11.749.214.805	11.749.214.805	23.413.559.195	25.528.325.247	12.231.904.345	12.351.904.345
Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	154.400.000	134.400.000	-	27.661.501.386	15.997.156.996	15.997.156.996
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	33.960.457.547	33.960.457.547	13.442.908.306	7.394.178.564	27.911.727.805	27.911.727.805
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	4.941.238.225	4.941.338.225	14.652.028.334	20.938.420.725	11.227.730.616	11.227.730.616
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	1.777.040.000	1.777.040.000	9.777.040.000	10.564.083.889	2.564.083.889	2.564.083.889
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hồ Nội	3.175.447.538	3.175.447.538	3.175.447.558	35.668.987.200	39.668.987.200	39.668.987.200
Ngân hàng Cổ phần Dân điện	5.200.000.000	5.200.000.000	-	-	5.200.000.000	5.200.000.000
Liên Việt Bank	45.000.000	45.000.000	45.000.000	160.000.000	160.000.000	160.000.000
Bộ Xây dựng	47.952.969.566	47.952.969.566	32.558.262.541	35.159.752.406	50.354.459.431	50.354.459.431
Ngân hàng TMCP Seabank						
Vay các đối tượng khác						

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG - CÔNG TY TNHH MTV

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến 07/11/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÀU B 09-DNHN

	07/11/2016		Trong kỳ		01/01/2016	
	Giá trị	Số cổ khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số cổ khả năng trả nợ
Vay dài hạn						
Quý dự trữ tài chính của tỉnh Thái Bình	15.457.424.522	15.457.424.522	6.888.513.044	94.756.083.523	103.364.995.001	103.364.995.001
Vốn khuyến nông	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Số khoa học công nghệ môi trường	500.000.000	500.000.000	-	-	300.000.000	300.000.000
Quý bảo vệ Môi trường Hà Nội	180.000.000	180.000.000	-	-	180.000.000	180.000.000
Ngân hàng Thương mại Đại chúng - CN Thăng Long	674.995.000	674.995.000	-	-	674.995.000	674.995.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	-	-	91.214.504.000	91.214.504.000	91.214.504.000
Ngân hàng TMCP Seabank	-	-	-	8.000.000	8.000.000	8.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam	519.360.000	519.360.000	-	723.156.000	1.242.496.000	1.242.496.000
Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	45.000.000	45.000.000	-	-	45.000.000	45.000.000
Vay các chủ tương khác	12.738.069.522	12.738.069.522	6.888.513.044	2.850.443.523	8.700.000.001	8.700.000.001
Tổng	178.263.299.161	178.263.299.161	184.321.226.979	401.246.451.717	395.188.523.899	395.188.523.899

Theo HĐTD số 58/2014-HĐ/DNHC/142-TC/CKXD-CTINHEMIV-COMA ngày 23/06/2014. Thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất cho vay thả nổi. Mục đích vay để thanh toán lương cho cán bộ CNV năm 2015.

Theo HĐTD số 12212/316/HĐTD ngày 31/8/2015, hạn mức tín dụng 51.779.470.750 đồng. Thời hạn của HĐTD là 08 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng tùy, lãi suất thả nổi. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh để thực hiện thi công gói thầu chế tạo vận chuyển và lắp đặt kết cấu thép chính dự án đầu tư xây dựng nút giao thông Trung tâm quận Long Biên. Tài sản đảm bảo là quyền đòi nợ hình thành trong tương lai phát sinh theo Hợp đồng nguyên tắc số 16/2015/HĐNT/TUAIISON-COMA và HĐ số 29/2015/HĐXD-TS, các hợp đồng khác được ký kết liên quan đến dự án nút giao thông Long Biên.

HĐTD số 2411506519339TD ngày 23/4/2015, hạn mức vay là 10 tỷ đồng, mục đích vay bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh thanh toán, phát hành L/C phục vụ thi công dự án Nhà máy lọc dầu Nghi Sơn theo HĐKT số 17111401/LAMA-COMA ngày 17/11/2014 và HĐKT số 17111402/LAMA-COMA ngày 17/11/2014. Thời hạn cấp hạn mức đến khi thực hiện xong dự án, thời hạn của mỗi khoản vay trong hạn mức: 04 tháng/khế ước. Lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo: quyền khai thác (ô nhiễm) điện hành, bất động sản số 241 Quan Hòa, Cầu Giấy, xe ô tô con, khoản phải thu từ HĐKT giữa COMA-LAMA.

Vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây theo hợp đồng số 01/2015/183458/HĐTD ngày 14/04/2015, mục đích vay bổ sung vốn lưu động, thời gian vay dưới 12 tháng, lãi suất vay theo từng lần giải ngân. Tài sản đảm bảo là máy móc thiết bị của Công ty và quyền sử dụng của bến thứ 3 theo hợp đồng thuê cấp số 01/2011/HĐ ngày 29/07/2011.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.16 Vốn chủ sở hữu

h. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND									
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	Loại nghĩa vụ thuế chưa phải nộp	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư tại 01/01/2015	181.648.856.746	149.953.433	2.627.898.090	(19.380.000)	8.716.863.592	25.423.915.337	(174.036.878.939)	64.000.000	81.319.063.229	18.487.791.432
Lãi trong năm báo cáo	-	-	-	-	37.587.307	-	34.107.231.600	-	(568.806.144)	33.338.446.516
Phân phối quỹ phát triển	-	909.776	225.941.898.660	-	-	-	85.554.677.986	3.523.483.535	-	37.287.307
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	115.020.969.957
Chưa trả cổ tức	(307.858.926)	-	(120.611.363.582)	19.380.000	-	-	(53.900.915.609)	-	(6.855.685.517)	(191.655.598.694)
Quỹ khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2015	181.341.091.820	149.953.433	107.952.535.078	-	8.754.450.899	25.423.915.337	(108.274.656.952)	3.587.483.535	33.694.571.568	172.629.254.718
Số dư tại 01/01/2016	181.341.091.820	149.953.433	107.952.535.078	-	8.754.450.899	25.423.915.337	(108.274.656.952)	3.587.483.535	33.694.571.568	172.629.254.718
Lãi trong năm này	-	-	-	-	-	-	27.579.711.305	-	(179.477.154)	26.990.144.051
Phân phối quỹ khác	-	-	-	-	-	-	(940.507.491)	-	-	(846.567.491)
Quỹ bổ trợ lập	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Quỹ bổ trợ lập từ lợi nhuận	-	-	(2.187.967.911)	-	-	-	-	-	-	(2.187.967.911)
Đầu tư ngắn hạn và chính	8.707.500.094	-	(8.707.500.094)	-	-	-	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn	235.536.647	-	-	-	(235.536.647)	3.040.199.863	(1.089.941.136)	-	-	1.960.256.925
Đầu tư hình thành vốn	186.748.570.853	-	(186.748.570.853)	-	-	-	-	-	-	-
Đầu tư khác	2.548.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	2.548.000.000
Đầu tư hình thành từ	18.319.381.886	-	-	-	-	(18.319.381.886)	-	-	-	-
Sắp xếp tăng vốn	8.000	-	9.691.444.483	-	(1.481.865.447)	-	36.434.450.139	(3.523.483.535)	(699.879.260)	34.440.724.777
Tăng/Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 01/01/2016	238.500.000.000	149.953.433	-	-	7.037.048.805	9.944.733.314	(52.227.695.837)	64.000.000	32.455.245.154	235.923.574.869

12/12/2016 XII 2016

5.17 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 7/11/2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu xây lắp	197.970.294.860	625.256.248.386
Doanh thu Kinh doanh bất động sản	10.749.762.011	374.963.588.796
Doanh thu bán hàng	8.231.837.218	68.194.706.497
Doanh thu kinh doanh dịch vụ	31.581.050.437	32.379.932.421
Doanh thu cơ khí	7.590.301.909	-
Doanh thu khác	820.463.864	-
Doanh thu gia công xây lắp	-	-
Tổng	266.943.710.299	1.100.794.476.100

5.18 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 7/11/2016 VND	Năm 2015 VND
Giảm giá hàng bán	2.350.290.909	2.689.250.441
Tổng	2.350.290.909	2.689.250.441

5.19 Giá vốn hàng bán

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 7/11/2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn xây lắp	171.617.942.245	559.081.273.559
Giá vốn Kinh doanh bất động sản	(18.705.819.964)	324.568.930.860
Giá vốn bán hàng	8.444.709.650	68.140.049.177
Giá vốn kinh doanh dịch vụ	16.994.677.479	20.089.640.101
Giá vốn cơ khí, gia công xây lắp	7.856.448.995	-
Tổng	186.207.958.405	971.879.893.697

5.20 Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 7/11/2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	871.489.416	1.107.149.241
Lãi bán các khoản đầu tư	20.729.360.000	10.239.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.809.569.564	940.846.700
Lãi chênh lệch tỷ giá	133.512.506	6.570.005.956
Lãi cho vay phải thu các đơn vị	-	167.091.197
Doanh thu hoạt động tài chính khác	192.600.000	2.172.505.090
Tổng	23.736.531.486	21.196.598.184

5.21 Chi phí hoạt động tài chính

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 7/11/2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền vay	10.218.480.853	17.544.703.407
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	149.035.040	1.815.411.025
Lỗ chênh lệch tỷ giá	405.497.581	318.765.518
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(2.317.582.116)	5.108.996.630
Chi thuê tài sản	124.950.000	-
Chi phí hoạt động tài chính khác	357.246.141	-
Tổng	8.937.627.499	24.787.876.580

5.22 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 7/11/2016 VND	Năm 2015 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý TSCĐ	955.704.689	4.117.126.614
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình, trích trước Công trình	2.744.198.791	505.536.398
Thu nhập từ dự án di chuyển Công ty khởi Minh Khai	-	40.586.973.103
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	-	353.240.000
Tiền đến bù giải phóng mặt bằng được nhận theo Quyết định 1876/QĐ-UBND ngày 14/06/2016	213.414.136	-
Tiền lãi tiền vay thi công công trình	3.762.654.949	-
Tiền thuê đất được miễn giảm	3.976.770.412	-
Các khoản khác	1.744.605.421	6.462.398.035
Tổng	13.397.348.398	52.025.274.150
Chi phí khác		
Giá trị còn lại công cụ, vật tư thanh lý	687.570.186	3.164.444.610
Các khoản phải thuê	6.311.718.784	15.999.745.906
Lãi chậm nộp bảo hiểm	581.847.572	-
Chi phí khác	2.336.704.927	9.020.087.830
Chi bồi thường thiệt hại	213.414.136	-
Tiền phạt chậm nộp tiền dộ	1.010.000.000	-
Tổng	11.141.255.605	28.184.278.346
Lợi nhuận khác	2.256.092.793	23.840.995.804

5.23 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 7/11/2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	7.179.553.569	13.853.481.729
Tổng	7.179.553.569	13.853.481.729

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty đã được kiểm toán bởi kiểm toán độc lập khác. Do đây là Báo cáo tài chính kỳ cuối cùng Công ty Nhà nước nên Tổng Công ty không chia tách kỳ báo cáo tương ứng nên số liệu so sánh về kết quả kinh doanh chúng tôi lấy theo cả năm 2015.

Người lập

Nguyễn Thị Ngọc Diệp

Kế toán trưởng

Lê Thế Thủy

Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2017
Tổng Giám đốc



Dương Văn Hồng